

ĐẶC ĐIỂM THANH ĐIỀU MỘT SỐ THỔ NGŨ Ở HUYỆN NGHI XUÂN, HÀ TĨNH

VŨ THI HẢI HÀ*

Abstract: This paper describes the tonal contour F0 and phonation types tones of some less-studied dialects in Nghi Xuân district, Hà Tĩnh province. The materials used include audio files recording 2,000 words read by 6 native speakers (3 male, 3 female) living in Cương Gián, Xuân Viên and Xuân Hội communes in Nghi Xuân district. The materials were listened and analyzed by the researcher and the results were verified by the outcomes from the Speech Analyzer, Praat.

Keywords: tone, dialect, Hà Tĩnh, phonetics, phonology, ...

1. Đặt vấn đề

Năm 1912, công trình *Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng An nam - Các âm đầu* của H. Maspero được công bố đã mở ra một giai đoạn mới trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử tiếng Việt nói chung và nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt nói riêng. Sau công trình của H. Maspero, việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt được đẩy mạnh với những đóng góp của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Năm 1995, *Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt* của GS. Nguyễn Tài Cẩn được xuất bản. Công trình này chính là sự tổng kết, hệ thống hóa và phát triển những thành tựu nghiên cứu lí thuyết và tư liệu trong gần một thế kỉ (thế kỉ XX) về lịch sử tiếng Việt nói chung và lịch sử ngữ âm tiếng Việt nói riêng.

Trong Giáo trình, lai nguyên của một số phụ âm đầu, vần, thanh điệu được giải thuyết theo cách “đa giải pháp”. Việc tìm lai nguyên một số phụ âm đầu trong Giáo trình căn cứ vào tư liệu và cách lí giải “quá trình xát hóa” do M. Ferlus đưa ra. Công trình đã gợi mở cho chúng ta một số hướng cần tiếp tục nghiên cứu về lịch sử ngữ âm tiếng Việt, đặc biệt là tiếng Việt ở khu vực Bắc Trung Bộ.

- Lai nguyên hệ thống phụ âm đầu và quá trình biến đổi (diễn tiến) của chúng từ trạng thái Proto đến các phương ngữ, ngôn ngữ Việt - Chữ hiện đại. Đặc biệt chú ý là việc phục nguyên các phụ âm tắc (với đối lập cặp ba: vô thanh, hữu thanh, hữu thanh hút vào) và cách lí giải “quá trình xát hóa” của M. Ferlus.

- Sự hình thành và phát triển hệ thống thanh điệu từ trạng thái Proto đến các phương ngữ, ngôn ngữ Việt - Chữ hiện đại.

Đồng thời, việc tiếp tục điều tra tư liệu về các thổ ngữ, phương ngữ tiếng Mường và Việt (nhất là các thổ ngữ Mường và Việt ở Bắc Trung Bộ) cho phép chúng ta bổ sung, điều chỉnh những tư liệu và cách kiến giải mà GS Nguyễn Tài Cẩn đã gợi ý, như quá trình xát hóa và sự biến đổi của các phụ âm đầu tắc qua các thời kì, hay vấn đề sự hình thành và phát triển hệ thanh điệu trong các thổ ngữ, phương ngữ Việt, Mường.

Ở vùng phương ngữ Nghệ Tĩnh, mặc dù nằm giữa một vùng phương ngữ có 5 thanh điệu nhưng riêng bán phương ngữ Vinh lại có 6 thanh điệu với những tính chất về âm vực và âm điệu gần giống như hệ thống thanh điệu tiếng Hà Nội. Một số thổ ngữ thuộc Hương Khê, Hà Tĩnh lại có 4 thanh điệu. Một số thổ ngữ như Nghi Lộc (Nghệ An) có hiện tượng nhập thanh ngã vào thanh nặng như mọi nơi ở Nghệ Tĩnh, ngoài ra còn nhập thanh hỏi vào thanh sắc (ở thôn Mai Bản) và nhập thanh huyền vào thanh nặng (ở thôn Yên Lương) [4, tr.206].

Như vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu tiếng Hà Tĩnh từ góc độ miêu tả đồng đại, lịch sử và ứng dụng. Trong đó, thanh điệu các thổ ngữ Hà Tĩnh là một trong những lĩnh vực ít được nhiều tác giả đề cập đến. Gần đây, khi nghiên cứu nhận dạng thanh điệu ở một số phương ngữ, thổ ngữ thì những vấn đề liên quan đến thanh điệu tiếng Việt nói chung và đặc điểm ngữ âm - âm vị học của hệ thanh điệu các phương ngữ, thổ ngữ lại được đặt ra và cần nghiên cứu sâu thêm. Vì vậy, bài viết này chúng tôi đặt ra hai mục tiêu:

* Viện Ngôn ngữ học.

(1) Nhận diện những đặc điểm ngữ âm-âm vị học hệ thống thanh điệu một số thổ ngữ ở huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. (2) Thảo luận về số lượng thanh điệu giữa các thổ ngữ của huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

2. Đặc điểm thanh điệu Nghệ Tĩnh

Nhiều công trình miêu tả ở phương ngữ Nghệ Tĩnh đều cho rằng số lượng thanh điệu ở phương ngữ này có 5 thanh trong đó thanh ngã nhập vào thanh nặng (thanh ngã chuyển thành thanh nặng). Về mặt điệu tính, thanh điệu phương ngữ vùng Nghệ Tĩnh thì khác phương ngữ Bắc do có độ trầm lớn hơn. Qua khảo sát có thể thấy thanh điệu các thổ ngữ, phương ngữ Hà Tĩnh thể hiện tính đa biến thể. Các biến thể địa lí (thổ ngữ, phương ngữ) có hệ thống thanh điệu khác nhau về chất lượng thanh điệu và cấu trúc âm vị học từng hệ thống. Đây là kết quả của các quá trình biến đổi lịch sử xảy ra theo cách khác nhau trong mỗi biến thể thanh điệu ở mỗi vùng.

Xét về bản chất ngữ âm và sự tri nhận của người bản ngữ, thanh điệu là kết quả của quá trình âm học trong hoạt động tạo thanh (phonation) của thanh hầu. Do vậy, thanh điệu là tổng hoà các tiêu chí về cao độ (pitch) và thức tạo thanh; các tiêu chí này gắn kết với nhau bằng mối liên hệ ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau.

Để miêu tả đặc điểm về cao độ thanh điệu, chúng tôi sử dụng thang Logarithmic (tính bằng Hz) và thang 5 bậc của Triệu Nguyên Nhiệm, trong đó bậc cao nhất ghi bằng 5, bậc hơi cao ghi bằng 4, bậc trung bình ghi bằng 3, bậc hơi thấp ghi bằng 2 và bậc thấp nhất ghi bằng 1. Để miêu tả trường độ của thanh chúng tôi đo khoảng thời gian phát âm âm tiết, đơn vị đo mili giây (ms. = 0,001 giây).

Tên gọi và số thứ tự các thanh điệu được xác định theo các loại: A (Bình thanh), B (Thượng thanh), C (Khứ thanh), D (Nhập thanh); và phân theo nhóm: nhóm 1 (thanh cao), nhóm 2 (thanh thấp); theo cách phân loại này, hệ thống thanh điệu tiếng Việt gồm các thanh: A1 (thanh 1), A2 (thanh 2), B1 (thanh 3), B2 (thanh 4), C1 (thanh 5), C2 (thanh 6), D1 (thanh 7), D2 (thanh 8). Cách gọi tên và đánh số thứ tự thanh điệu như trên tạo sự thống nhất và tương ứng thanh điệu giữa các thổ ngữ, phương ngữ tiếng Việt. Vì vậy, trong miêu tả dưới đây chúng tôi sử dụng cách phân loại này để miêu tả thanh điệu ở các thổ ngữ.

3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Tư liệu sử dụng trong bài viết là các file âm thanh ghi âm bằng từ điển tra ngữ âm, âm vị học (2.000 từ) các thổ ngữ ở huyện Nghi Xuân do 6 cộng tác viên (3 nam, 3 nữ) sinh sống ở các địa phương thuộc huyện Nghi Xuân bao gồm các xã Cương Gián, Xuân Viên và Xuân Hội phát âm. Các cộng tác viên có độ tuổi từ 60 đến 68 tuổi, khỏe mạnh, không mắc các tật phát âm. Tư liệu được người nghiên cứu cảm thụ bằng thính giác đồng thời kiểm chứng kết quả qua dữ liệu phân tích từ các chương trình phân tích tiếng nói Speech Analyzer, Praat. Tư liệu được ghi âm tại Hà Tĩnh trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 1/2022.

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả bằng các thí nghiệm thực nghiệm trong việc xác định các đặc trưng ngữ âm các thổ ngữ, hệ thống thanh điệu được phân tích, xử lí dữ liệu bằng phần mềm Praat. Ngoài ra, để hỗ trợ trong quá trình quan sát, minh hoạ, chúng tôi cũng sử dụng thêm phần mềm phân tích ngữ âm Speech Analyzer.

4. Kết quả và thảo luận đặc điểm ngữ âm âm vị học thanh điệu tiếng Việt ở các thổ ngữ Nghi Xuân

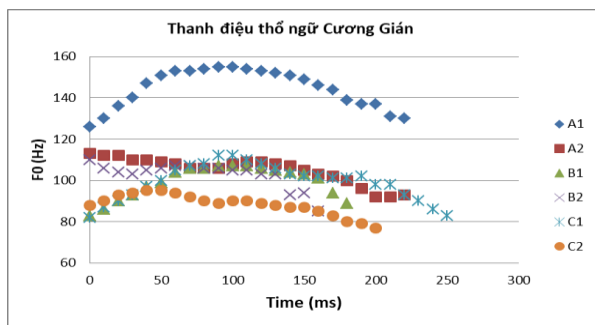
4.1. Đặc điểm ngữ âm âm vị học hệ thanh điệu thổ ngữ Cương Gián

a. Về cao độ và đường nét F0

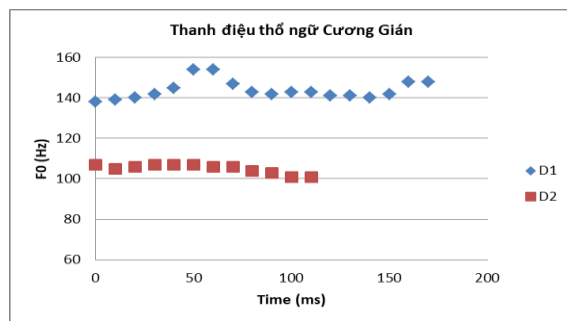
Thanh điệu thể hiện diễn tiến sự biến đổi cao độ (tương ứng với tần số F0) trong thời gian phát âm âm tiết. Trong đồ thị diễn tiến F0, trục dọc xác định cao độ, tính bằng Hz, trục ngang chỉ ra thời gian phát âm âm tiết, tính bằng mili giây (ms. = 0,001 giây).

Hình 1 dưới đây là đồ thị F0 thanh điệu thổ ngữ Cương Gián được tổng hợp bằng chương trình Praat trong các âm tiết kết thúc vang (kết thúc mở bằng nguyên âm, kết thúc bằng bán nguyên âm và kết thúc bằng phụ âm vang): *ta* [taA1], *phòng* [fɔŋA2], *vỗ* [voB1], *quả* [kwaB2], *lá* [laC1], *vại* [vajC2].

Hình 2 trình bày đồ thị F0 các thanh điệu thổ ngữ Cương Gián trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh: *sách* [sɛkD1], *hạt* [hatD2].



Hình 1. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc vang *Cương Gián*



Hình 2. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh *Cương Gián*

Có thể thấy từ đồ thị F0 các thanh điệu (Hình 1), trong tiếng *Cương Gián*, ở âm tiết kết thúc vang xuất hiện 6 thanh trong đó có 2 cặp thanh trùng nhau với những đặc trưng về đường nét cao độ như sau:

Thanh 1 (A1) xuất phát ở bậc hơi cao (4), có đường nét lên đến bậc cao nhất (5) sau đó đi xuống và kết thúc ở bậc hơi cao (4), ghi 454.

Thanh 2 (A2, B2): F0 có đường nét đi xuống, xuất phát ở bậc trung bình (3), đi xuống, kết thúc ở bậc hơi thấp (2); ghi 32. Trong đó thanh A2 có trường độ dài hơn thanh B2.

Thanh 3 (B1, C1): F0 có đường nét lên - xuống, điểm xuất phát ở bậc hơi thấp (2), đi lên đến bậc trung bình (3), kết thúc ở bậc hơi thấp (2); ghi 232.

Thanh 4 (C2): F0 có đường nét đi xuống, xuất phát bậc hơi thấp (2), đi xuống, kết thúc ở bậc thấp (1), ghi 21.

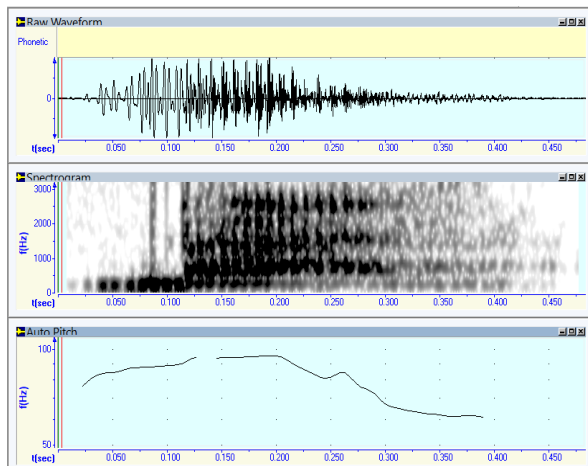
Trong âm tiết kết thúc phụ âm tắc vô thanh (Hình 2), có thể xuất hiện 2 thanh:

Thanh 5 (D1): F0 có đường nét ngang (hơi đi lên không đồng đều), toàn bộ F0 nằm trong giới hạn bậc cao (5), ghi 55.

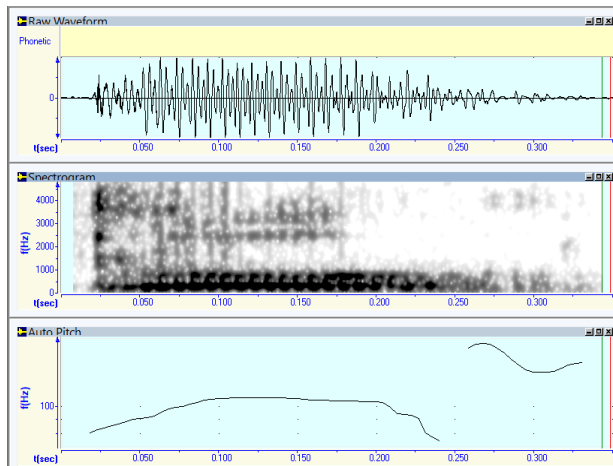
Thanh 6 (D2): F0 có đường nét bằng phẳng, cao độ nằm toàn bộ trong bậc trung bình (3), ghi 33.

b. Về tiêu chí thức tạo thanh

- *Thức tạo thanh tắc thanh môn*: Thở ngữ *Cương Gián* không có hiện tượng thanh quản hoá ở các thanh điệu, trong thanh 3 (B1, C1). Hình 3 dưới đây là dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [bajB1] (bãi). Quan sát các thông số âm học trên Hình 3 cho ta thấy ở nửa đầu âm tiết có hiện tượng tắc thanh môn: dây thanh rung đều, tần số F0 tăng sau đó giảm dần đường nét đi lên - xuống.



Hình 3. Dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [bajB1] (bãi)



Hình 4. Dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [voB1] (vỗ)

Hiện tượng tắc thanh môn xuất hiện ở nhiều âm tiết có thanh 3 (B1). Hình 4 là dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [voʔB1] (vỗ). Do kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh môn (2 dây thanh chập lại), F0 dừng đột ngột, trường độ tương đối ngắn.

Các tiêu chí âm vị học nhận diện hệ thống thanh điệu Cường Gián

Có thể miêu tả hệ thống thanh điệu tiếng Cường Gián theo 2 cách. Theo cách 1, hệ thống thanh điệu Cường Gián gồm 6 thanh, 4 thanh xuất hiện ở âm tiết kết thúc vang, 2 thanh ở âm tiết kết thúc tắc vô thanh.

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
1. A1	454	đi lên-xuống, cao
2. A2, B2	32	xuống
3. B1, C1	232?	lên - xuống, kết thúc tắc thanh môn
4. C2	21	xuống, thấp

Các thanh trong âm tiết kết thúc vô thanh:

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
5. D1	55	ngang, cao.
6. D2	33	ngang, trung bình.

Theo cách miêu tả thứ 2, hệ thống thanh điệu Cường Gián gồm 4 thanh, trong đó thanh D1 là biến thể của thanh A1, thanh D2 là biến thể của thanh A2.

Hệ thống thanh điệu Cường Gián theo cách này được nhận diện như sau:

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
1. A1, D1	A1(454), D1 (55)	đi lên xuống, cao ngang, cao
2. A2, B2,D2	A2, B2 (32), D2 (33)	xuống ngang, thấp
3. B1, C1	232?	lên - xuống, kết thúc tắc thanh môn
4. C2	21	xuống, thấp

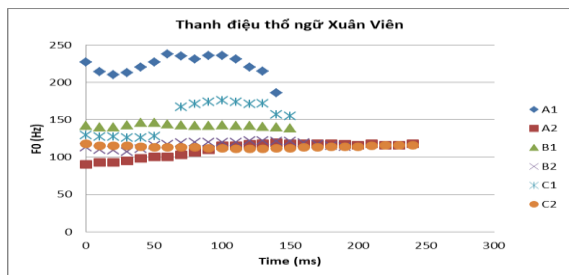
Như vậy, qua miêu tả có thể thấy số lượng thanh điệu tiếng Việt ở Cường Gián có 4 thanh trong đó không phân biệt các cặp thanh huyền - hỏi (thanh hỏi phát âm thành huyền) và ngã - sắc (thanh ngã phát âm thành sắc).

4.2. Đặc điểm thanh điệu thổ ngữ Xuân Viên

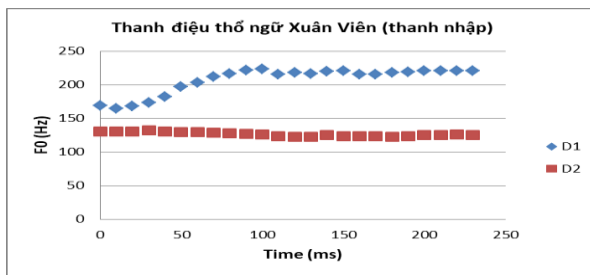
Chúng tôi lựa chọn mẫu phân tích các âm tiết là các từ địa phương với mục đích để CTV phát âm đúng với giọng địa phương của họ một cách tự nhiên nhất.

Hình 5 dưới đây là đồ thị F0 thanh điệu thổ ngữ Xuân Viên được tổng hợp bằng chương trình PRAAT trong các âm tiết kết thúc vang (kết thúc bằng nguyên âm, phụ âm vang): [kənA1] (cây), [təjA2] (trời), [ʒeB1] (rễ), [kaŋB2] (cảng), [maC1] (mạ), [lɔC2] (lọ).

Hình 6 trình bày đồ thị F0 các thanh điệu thổ ngữ Xuân Viên trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh: mắt [mătD1], mặt [mătD2].



Hình 5. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc vang Xuân Viên



Hình 6. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh Xuân Viên

Quan sát đồ thị F0 các thanh điệu (Hình 5) có thể thấy, về số lượng thanh điệu thổ ngữ Xuân Viên, ở âm tiết kết thúc vang, cũng xuất hiện 6 thanh giống Cương Gián. Tuy nhiên, đặc điểm ngữ âm âm vị học của từng thanh có sự khác biệt về chất lượng so với thanh điệu của Cương Gián. Có thể miêu tả với những đặc trưng về cao độ như sau:

Thanh 1 (A1): xuất phát ở bậc cao (5), có đường nét hơi đi xuống rồi đi lên không đồng đều, F0 nằm trọn trong bậc cao (5), ghi 55.

Thanh 2 (A2): F0 có xuất phát ở bậc hơi thấp (2), đi lên kết thúc ở tần số của bậc trung bình (3); ghi 23.

Thanh 3 (B1, B2, C2): F0 có đường nét tương đối bằng phẳng, cao độ xuất phát ở bậc trung bình đi ngang sau đó kết thúc ở tần số của bậc trung bình; ghi 33.

Thanh 4 (C1): F0 có đường nét đi lên, xuất phát ở bậc trung bình (3), đi lên, kết thúc ở bậc hơi cao (4), ghi 34. Thanh này có hiện tượng tắc thanh môn ở giữa âm tiết, F0 bị dừng đột ngột, đứt đoạn ở giữa âm tiết.

Trong âm tiết kết thúc phụ âm tắc vô thanh (Hình 2), có thể xuất hiện 2 thanh.

Thanh 5 (D1): F0 có đường nét đi lên, xuất phát ở bậc hơi cao (4), ghi 45.

Thanh 6 (D2): F0 có đường nét ngang, nằm toàn bộ trong bậc trung bình (3), ghi 33, thanh này có đường nét giống với nên chúng tôi xếp vào thanh 3.

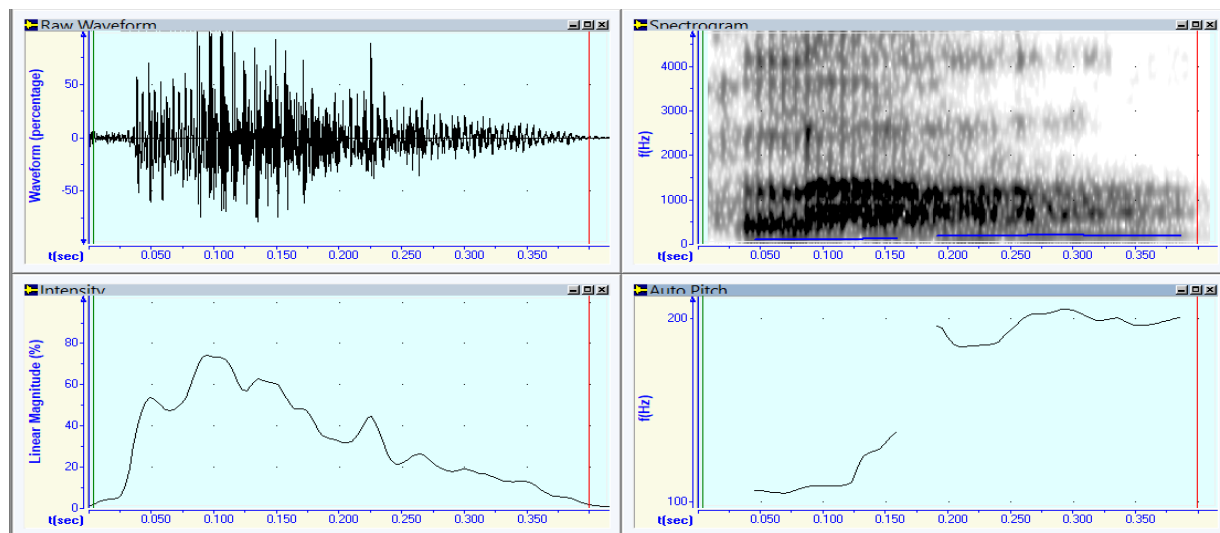
Qua những miêu tả ở trên có thể thấy đặc điểm ngữ âm âm vị học hệ thống thanh điệu Xuân Viên được nhận diện như sau:

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
1. A1	55	ngang, cao
2. A2	23	đi lên, cao độ thấp
3. B1, B2, C2, D2	33	ngang, cao độ trung bình
4. C1	34?	đi lên, tắc thanh môn ở giữa âm tiết
5. D1	45	đi lên, cao

Như vậy, qua miêu tả có thể thấy số lượng thanh điệu tiếng Việt ở Xuân Viên nếu không tính biến thể thanh ở loại hình âm tiết kết thúc tắc vô thanh sẽ có 4 thanh điệu không phân biệt các thanh hỏi-ngã-nặng.

Thức tạo thanh tắc thanh môn

Hiện tượng tắc thanh môn xuất hiện ở thanh 4 (C1). Hình 4 dưới đây là dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [lɔʔC1] (lúa). Hiện tượng tắc thanh môn xảy ra ở giữa âm tiết, F0 bị dừng đột ngột, cường độ suy giảm mạnh.

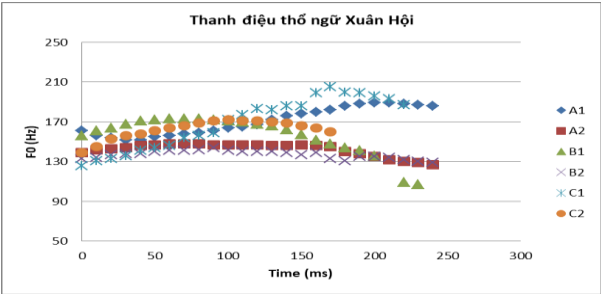


Hình 7. Dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [lɔʔC1] (lúa)

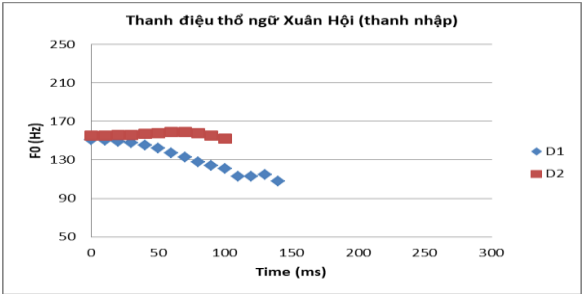
4.3. Đặc điểm thanh điệu thổ ngữ Xuân Hội

Hình 8 dưới đây là đồ thị F0 thanh điệu thổ ngữ Xuân Hội được tổng hợp bằng chương trình PRAAT trong các âm tiết kết thúc vang: [vajA1] (vai), [fɔŋA2] (phòng), [bawB1] (bão), [bienB2] (biển), [tʰiewC1] (thiếu), [vajC2] (vại).

Hình 9 trình bày đồ thị F0 các thanh điệu thổ ngữ Xuân Hội trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh: [mătD1] (mắt), [luokD2] (lược).



Hình 8. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc vang Xuân Hội



Hình 9. Đồ thị F0 các thanh điệu trong âm tiết kết thúc bằng phụ âm tắc vô thanh Xuân Hội

Như có thể thấy từ đồ thị F0 các thanh điệu (Hình 8), trong tiếng Xuân Hội, ở âm tiết kết thúc vang, có thể xuất hiện 5 thanh với những đặc trưng về cao độ như sau:

Thanh 1 (A1): cao độ xuất phát ở bậc trung bình (3) có đường nét hơi lên ở cuối, ghi 34.

Thanh 2 (A2, B2): F0 xuất phát ở cao độ trung bình có đường nét hơi đi xuống ở cuối, kết thúc ở bậc hơi thấp (2); ghi 32.

Thanh 3 (B1): F0 có đường nét lên-xuống, điểm xuất phát ở bậc trung bình (3), đi lên sau đó đi xuống và kết thúc ở bậc hơi thấp (2); ghi 342, có hiện tượng tắc thanh môn ở cuối âm tiết.

Thanh 4 (C1): F0 có đường nét xuất phát ở bậc hơi thấp (2) đi lên đều đặn và kết thúc ở bậc hơi cao (4), ghi 234.

Thanh 5 (C2): F0 có đường nét xuất phát ở bậc trung bình (3) đi lên đến bậc hơi cao (4) sau đó kết thúc ở bậc trung bình (3), ghi 343.

Trong âm tiết kết thúc phụ âm tắc vô thanh (Hình 9), có thể xuất hiện 2 thanh.

Thanh 6 (D1): F0 có đường nét đi ngang, xuất phát ở bậc trung bình (3), ghi 33.

Thanh 7 (D2): F0 có đường nét đi xuống từ bậc trung bình (3) đến bậc hơi thấp (2) ghi 32, thanh này trùng với thanh 2 (A2, B2) nhưng có đường nét đi xuống dốc hơn, trường độ ngắn hơn.

Hệ thống thanh điệu Xuân Hội được nhận diện như sau:

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
1. A1	34	đi lên, hơi cao
2. A2, B2, D2	32	xuống, thấp
3. B1	342	lên-xuống
4. C1	234	lên, hơi cao
5. C2	343?	lên-xuống, trung bình, tắc thanh môn ở cuối âm tiết.

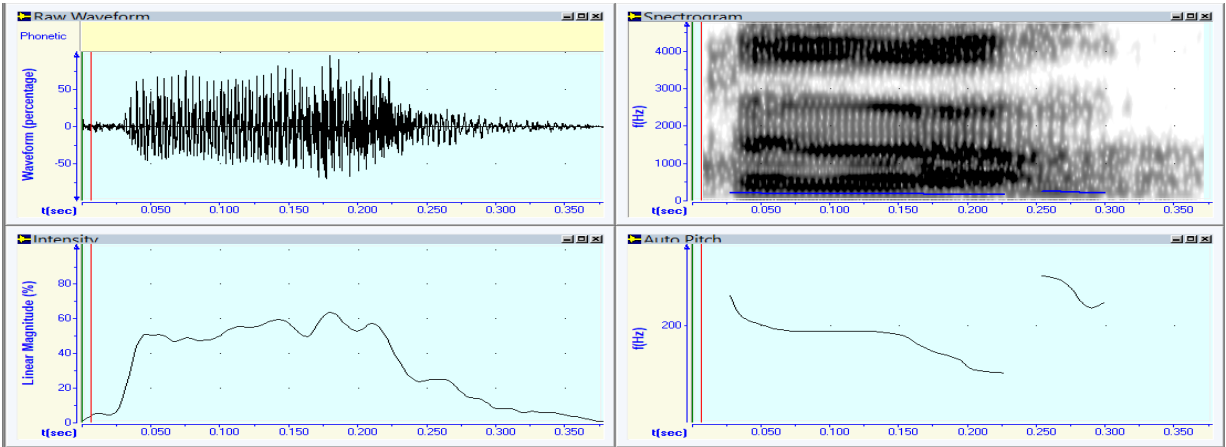
Biến thể thanh điệu trong âm tiết kết thúc vô thanh:

Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
6. D1	33	ngang, trung bình

Như vậy, qua miêu tả có thể thấy số lượng thanh điệu tiếng Việt ở Xuân Hội có 5 thanh, có 2 thanh không phân biệt là A2 và B2 (thanh hơi được phát âm giống thanh huyền). Hệ thống thanh điệu ở thổ ngữ Xuân Hội có độ trầm khá lớn, toàn bộ các thanh đều có xuất phát ở cao độ thấp và trung bình.

Thức tạo thanh tắc thanh môn

Hiện tượng tắc thanh môn xuất hiện ở thanh 5 (C2). Hình 10 dưới đây là dạng sóng âm, F0, ảnh phổ âm tiết [tuəŋʔC2] (tượng). Do kết thúc bằng hiện tượng tắc thanh, F0 dừng đột ngột, trường độ tương đối ngắn, cường độ suy giảm.



Hình 10. Dạng sóng âm, cường độ ảnh phổ, F0 âm tiết [tuəŋʔC2] (tượng)

4.4. Thảo luận

Về cao độ trung bình: Ở cả ba thổ ngữ đa số các thanh nằm trong bậc hơi thấp (2) và trung bình (3) điều này lí giải vì sao các thanh ở các thổ ngữ này đều có độ trầm lớn hơn các vùng khác.

Về số lượng thanh điệu và đặc điểm ngữ âm âm vị học: có thể tổng hợp chi tiết trong bảng sau:

Thổ ngữ	Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
Cương Gián	1. A1	454	lên xuống, cao
	2. A2, B2	32	xuống
	3. B1, C1	232?	lên – xuống, kết thúc tắc thanh môn
	4. C2	21	xuống, thấp
Xuân Viên	1. A1	55	ngang, cao
	2. A2	23	đi lên, cao độ thấp
	3. B1, B2, C2	33	ngang, cao độ trung bình
	4. C1	34?	đi lên, tắc thanh môn ở giữa âm tiết
Xuân Hội	1. A1	34	đi lên, hơi cao
	2. A2, B2	32	xuống, thấp
	3. B1	342	lên-xuống
	4. C1	234	lên, hơi cao
	5. C2	343?	lên-xuống, trung bình, tắc thanh môn ở cuối âm tiết.

Ở âm tiết kết thúc bằng các phụ âm tắc vô thanh xuất hiện hai thanh D1, D2. Đặc điểm khu biệt hai thanh ở các điểm điều tra như sau:

Thổ ngữ	Thanh điệu	Đặc điểm ngữ âm	Tiêu chí âm vị học
Cương Gián	D1	55	ngang, cao
	D2	33	ngang, trung bình
Xuân Viên	D1	45	lên, cao
	D2	33	ngang, trung bình
Xuân Hội	D1	33	ngang, trung bình
	D2	32	xuống, trung bình

So sánh đặc điểm ngữ âm âm vị học hệ thống thanh điệu các thổ ngữ có thể thấy:

- Thanh 1 (A1) là thanh có cao độ cao nhất, đường nét thanh có sự khác biệt ở các thổ ngữ.

- Thanh 2 (A2) ở các thổ ngữ đều nằm trong vùng tần số hơi thấp và trung bình. Thanh này ở Cương Gián và Xuân Hội hoàn toàn trùng khớp về đường nét cũng như cao độ (cao độ thấp và đường nét đi xuống). Riêng thổ ngữ Xuân Viên thanh này có đường nét đi lên. Như vậy, dựa trên miêu tả này thì ở Cương Gián và Xuân Hội không phân biệt thanh A2, B2 có nghĩa không phân biệt thanh huyền và thanh hỏi (thanh hỏi phát âm thành thanh huyền).

- Thanh 3 (B1) ở các thổ ngữ có sự khác biệt cơ bản về đường nét và thức tạo thanh. Thanh 3 ở Xuân Viên và Xuân Hội có thức tạo thanh thường, cao độ trung bình, đường nét lên xuống hoặc đi ngang. Thanh 3 ở Cương Gián có thức tạo thanh tắc thanh môn ở cuối âm tiết. Thanh 3 ở Cương Gián bao gồm các thanh B1, C1 (không phân biệt ngã, sắc) còn thanh 3 ở Xuân Viên gồm các thanh B1, B2, C2 (không phân biệt ngã, hỏi, nặng).

- Thanh 4 (C1) ở thổ ngữ Xuân Viên, Xuân Hội có sự thống nhất với đường nét đi lên và cao độ hơi cao, có tắc thanh môn giữa âm tiết ở thổ ngữ Xuân Viên. Riêng thổ ngữ Cương Gián thanh này có đường nét đi xuống thấp, cao độ thấp nhất trong các thanh (C2).

- Thanh 5 (C2) chỉ xuất hiện ở thổ ngữ Xuân Hội với đường nét lên-xuống, cao độ trung bình, có tắc thanh môn ở cuối âm tiết.

Về thức tạo thanh: hiện tượng thanh quán hóa không xảy ra ở tất cả thanh điệu các thổ ngữ. Trong khi đó hiện tượng tắc thanh môn xảy ra tương đối phổ biến ở các thanh 3 (Cương Gián), thanh 4 (Xuân Viên), thanh 5 (Xuân Hội). Vị trí xảy ra hiện tượng tắc thanh môn có thể ở giữa hoặc cuối âm tiết.

5. Kết luận

Qua khảo sát, phân tích hệ thanh điệu một số thổ ngữ ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh có thể thấy đây là hệ thanh điệu có những đặc trưng ngữ âm - âm vị học rất khác biệt của hệ thanh điệu tiếng Việt ở khu vực Bắc Trung Bộ. Từ kết quả phân tích có thể thấy:

Về số lượng thanh điệu: Trên bình diện đồng đại, hệ thanh điệu các thổ ngữ ở Nghi Xuân chỉ gồm 4 hoặc 5 thanh vị. Đây là điểm khác biệt so với hệ thanh điệu tiếng Việt ở khu vực Bắc Bộ (6 thanh vị), cũng như so với hệ thanh điệu phương ngữ Bắc Trung Bộ (5 thanh vị).

Về đặc điểm ngữ âm, âm vị học: Sự đối lập giữa các thanh chủ yếu theo tiêu chí đường nét: thanh đi lên với thanh có đường nét đi xuống hoặc có đối lập về âm vực: thanh cao với thanh thấp. Ngoài ra, thức tạo thanh tắc thanh môn cũng là một kiểu tạo thanh đặc trưng trong quá trình phát âm thanh điệu ở khu vực này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. A.G. Haudricourt, *Về nguồn gốc các thanh điệu tiếng Việt* (Hoàng Tuệ dịch), Ngôn ngữ, Số 1, 1991.
2. Nguyễn Tài Cẩn, *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt - sơ thảo*, Nxb Giáo dục, 1995.
3. Hoàng Cao Cương, *Thanh điệu Việt qua giọng địa phương trên cứ liệu F0*, Ngôn ngữ, Số 4, 1989.
4. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. (Tái bản lần 2, 2009).
5. Trần Trí Dõi, *Một vài nhận xét về lịch sử nghiên cứu phương ngữ tiếng Việt*, trong *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội*, Nxb Văn hoá Thông tin, tr. 212 - 225, 2001.
6. Trần Trí Dõi, *Thanh điệu tiếng Việt ở Cửa Lò*, Trong *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội*, Nxb Văn hoá Thông tin, tr. 233 - 241, 2001.
7. Nguyễn Văn Lợi, *Thanh điệu một vài thổ ngữ Nghệ An từ góc nhìn đồng đại và lịch đại*, Ngôn ngữ, Số 3, 2002.
8. Nguyễn Văn Nguyên, *Miêu tả đặc trưng ngữ âm phương ngữ Nghệ Tĩnh*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Vinh, 2003.
9. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1977.

Tiếng Anh

10. Andrea Hoa Pham, *Vietnamese Tone: A New Analysis*, Routledge, New York, 2003.
11. K. Honda, *F0 and phonation types in Nghe Tinh Vietnamese tones*, Proceedings of the 11th Australasian International Conference on Speech Science and Technology (pp. 454-459), University of Auckland, Auckland, New Zealand, 2006.
12. Nguyễn Văn Lợi & Edmondson, J.A, *Tones and voice quality in modern northern Vietnamese: instrumental case studies*. Mon-Khmer Studies Vol. 28, 1-18, 1998.